TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH XUÂN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **280**/2024/HSST
Ngày: 20/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Diệu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng
2. Ông Phạm Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà My - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 272/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 286/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

NÔNG NGỌC Đ, giới tính : N, sinh năm 1990 tại Lạng Sơn; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; Chỗ ở: Không có nơi ở cố định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Con ông: Nông Duy N1, con bà Nông Thị V; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam ngày 14/10/2024. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận T - Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: **Công ty cổ phần X**; Trụ sở: Tầng D Tòa nhà G, số A, ngõ B, đường L, phường N, quận T, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn H - Tổng giám đốc - Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: **Bà Vũ Tuyết N2, sinh năm 1979**; Nơi cư trú: Số 2a, ngách B T, phường T, quận H, Hà Nội - Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nông Ngọc Đ được tuyển dụng vào làm nhân viên thử việc tại Công ty cổ phần X từ ngày 18/01/2024 đến ngày 18/03/2024 với vị trí là nhân viên Maketing. Đ được giao quản lý kênh bán hàng "Đồ bỉm sữa mẹ và bé" trên sàn thương mại điện tử S và facebook của Công ty với tài khoản "Xcelconsummer gmail.com", sau đổi tên thành "shopmomdaudau" và mật khẩu là "matkhau@1234". Tài khoản Shopee này do chị Trương Quỳnh P là chủ tịch Hội đồng quản trị lập, đăng ký và đứng tên chủ tài khoản. Tài khoản này có ví S và được liên kết với tài khoản số 0983832438 của Công ty mở tại Ngân hàng TMCP V2 mang tên chị Vũ Tuyết N2 là kế toán của Công ty. Khi khách hàng mua sản phẩm trên kênh bán hàng của Công ty thì phải trả tiền online và tiền sẽ được chuyển về ví Shopee. Để rút được tiền, phải rút từ ví Shopee rồi chuyển về tài khoản đứng tên chị N2 và do chị N2 quản lý. Nhiệm vụ của Đ trong thời gian thử việc là theo dõi kênh bán hàng của tài khoản Shopee nhưng không được can thiệp vào số tiền trong ví Shopee. Quá trình thử việc do Đ không đáp ứng được yêu cầu nên Công ty cho Đ nghỉ việc từ ngày 28/03/2024 và yêu cầu Đ đến bàn giao công việc, tài sản cho Công ty và nhận lương vào ngày 10/04/2024. Tuy nhiên do cần tiền tiêu sài nên đã không đến Công ty bàn giao công việc mà nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền trong ví S liên kết với tài khoản Shopee của Công ty. Sau khi kiểm tra, thấy Công ty chưa đổi mật khẩu tài khoản nên đã sử dụng điện thoại Iphone 11 của Đ thao tác thêm số tài khoản số 04579498701 mang tên Nông Ngọc Đ mở tại Ngân hàng TMCP T vào ví Shopee và liên kết tài khoản T1 này thực hiện giao dịch rút tiền từ ví Shopee vào tài khoản cá nhân của Đ để chiếm đoạt. Từ ngày 28/03/2024 đến ngay 15/04/2021, Đ thực hiện 24 lần rút tiền (trong đó 23 lần rút tiền thành công) từ ví S về tài khoản cá nhân của Đ với tổng số tiền là 58.990.000 đồng. Đến chiều ngày 15/04/2024, Công ty phát hiện sự việc, Đ đã thừa nhận chiếm đoạt tiền của Công ty và hứa sẽ khắc phục, bồi thường số tiền trên nhưng Đ không thực hiện. Do đó Công ty đã làm đơn tố giác Đ đến cơ quan Công an.

Tại cơ quan điều tra, Nông Ngọc Đ khai nhận hành vi phạm tội như đã nếu ở trên.

Lời khai của đại diện hợp pháp của Công ty X phù hợp với lời khai của bị cáo

V1 dân sự: Công ty X yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 58.990.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 255/CT-VKSTX ngày 19 tháng 11 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân truy tố Nông Ngọc Đ về tội "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản" theo điểm b, e khoản 2 Điều 290 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà sau khi phân tích vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo kết luận: Giữ nguyên

quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b, e khoản 2 Điều 290, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt: Nông Ngọc Đ từ 36 đến 40 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 14/10/2024; Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho Công ty X số tiền 58.990.000 đồng; Về vật chứng: Không có nên không xét

Tại phiên toà:

Bị cáo Đ giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận nội dung, tội danh cáo trạng Viện kiểm sát truy tố là đúng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng: Về các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra Công an quận T, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân thu thập; về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ do cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thu thập và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ và hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thu thập, thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Trong thời gian từ ngày 28/03/2024 đến ngày 15/04/2024, Nông Ngọc Đ đã có hành vi sử dụng điện thoại di động (mạng viễn thông) thêm số tài khoản cá nhân số 04579498701 mang tên Nông Ngọc Đ mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần T vào tài khoản Shopee của Công ty Cổ phần X trên sàn thương mại điện tử S để chiếm đoạt số tiền 58.990.000 đồng của Công ty Cổ phần X. Đối chiếu quy định của pháp luật, Nông Ngọc Đ đã phạm tội "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại Điều 290 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, giá trị tài sản chiếm đoạt là 58.990.000 đồng nên thuộc trường hợp quy định tại các điểm b, e khoản 2 Điều 290 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát truy tố bị cáo ra xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ pháp lý.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cơ quan tổ chức, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý bất an cho nhân dân. Do tính chất nghiêm trọng của vụ án, để đấu tranh phòng chống tội phạm, trong đó có tội xâm phạm sở hữu, góp phần bảo vệ tài sản của nhân dân cần thiết phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên để cải tạo, giáo dục bị cáo và làm bài học răn đe người khác, cần áp hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét tình tiết:Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo để giảm một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5].Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[6]. Về dân sự: Người bị hại - Công ty Cổ phần X yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 58.990.000 đồng. Xét đây là thiệt hại thực tế của Công ty do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên cần buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường theo quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự

[7]. Về vậy chứng: Khi bắt giữ bị cáo, cơ quan công an thu giữ đồ vật, tài sản gì liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên không xét.

Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, quá trình sử dụng, bị cáo đã làm rơi mất nên cơ quan điều tra không thu giữ được

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9].Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Nông Ngọc Đ phạm tội "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản"

- Căn cứ điểm b, e khoản 2 Điều 290, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

- Căn cứ Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

[1]. Xử phạt: Nông Ngọc Đ 36 *(ba mươi sáu)* tháng tù.Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 14/10/2024

[2]. Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho Công ty Cổ phần X số tiền 58.990.000 đồng *(năm mươi tám triệu chín trăm chín mươi ngàn đồng chẵn).*

[4]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.949.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm

[5].Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt án sơ thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- Người tham gia tố tụng,
- VKSND Q. Thanh Xuân
- Chi cục thi hành án dân sự Q. Thanh Xuân,
- Công an quận Thanh Xuân,
- TAND thành phố Hà Nội
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Thị Diệu Thúy